

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 05 tháng 05 năm 2021

V/v tranh chấp chia tài sản
chung của vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hồ Thị Thanh Thủy

- Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp Chia tài sản chung của vợ chồng” thụ lý số 296/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị S, sinh năm 1957; địa chỉ: XX, ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn K, sinh năm 1955; địa chỉ: YY, ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Võ Thị Hồng Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: XX, ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 22/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:

Bà và ông Võ Văn K trước đây là vợ chồng và đã được giải quyết ly hôn theo quyết định của Tòa án; về tài sản chung vợ chồng có 08 thửa đất, khi ly hôn

đã tự thỏa thuận phân chia xong 06 thửa, còn lại 01 thửa đất chưa chia và 01 thửa đất là tài sản riêng của bà S nhưng ông K chưa tách bộ sang tên, cụ thể là:

- Thửa đất số 17, tờ bản đồ 91, diện tích 362,9 m², tọa lạc tại ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, hiện ông K đã đăng ký trên sơ đồ đo đạc chính quy nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là tài sản do vợ chồng tạo lập nhưng chưa chia khi ly hôn.

- Thửa đất số 50, tờ bản đồ 96, diện tích 1.304,9 m² tọa lạc tại ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, đây là thửa đất của cha mẹ bà S cho và vợ chồng đã có thỏa thuận khi phân chia tài sản, phần của cha mẹ bên nào cho thì được giao cho bên đó, nên thửa đất này được xác định là của bà S. Hiện tại bà S đã cho con là Võ Thị Hồng Đ đang trực tiếp quản lý và sử dụng thửa đất này, nhưng ông K chưa tách bộ sang tên cho bà S để hợp thức hóa quyền sử dụng.

Nay bà Lê Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia tài sản chung là thửa đất số 17, tờ bản đồ 91, diện tích 362,9 m², tọa lạc tại ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Bà S yêu cầu được nhận hiện vật toàn bộ và hoàn trả 50% giá trị cho ông Võ Văn K theo kết quả định giá.

- Công nhận thửa đất số 50, tờ bản đồ 96, diện tích 1.304,9 m² tọa lạc tại ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là thuộc quyền sử dụng của bà S để bà làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Bị đơn ông Võ Văn K trình bày:

Ông K thừa nhận phần trình bày của bà S là đúng, cụ thể là đối với thửa đất số 17 hiện tại ông K đang sử dụng và đứng tên trên sổ bộ địa chính, thửa đất này là tài sản do vợ chồng tạo lập nhưng chưa chia khi ly hôn, tuy nhiên ông K không đồng ý việc phân chia. Đối với thửa đất số 50 có diện tích 01 công (tầm 3m) ông K xác nhận là thửa đất thuộc phần của bà S theo như thỏa thuận phân chia trước đây, hiện nay chị Võ Thị Hồng Đ (là con chung của ông K, bà S) được bà S cho sử dụng, ông K cũng đồng ý cho tách thửa nhưng khi làm thủ tục thì bà S yêu cầu chuyển tên qua cho chị Đ luôn bằng việc hợp thức hóa thể hiện trên hồ sơ ông K tặng cho con là chị Đ, nên ông K không đồng ý, vì ông sợ sau này bà S cho rằng ông chưa chia cho bà S thì ông bị thiệt thòi, ông K cho biết nếu chuyển qua tên cho bà S thì ông đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Hồng Đ trình bày:

Chị Đ là con chung chung của bà S và ông K, hiện tại chị đang trực tiếp quản lý và canh tác trên thửa đất số 50 có diện tích khoảng hơn 01 công (tầm 3m) nêu trên, thửa đất này chị được canh tác là do cha mẹ tạm cho sử dụng nhưng chưa làm giấy tờ. Nay phát sinh tranh chấp giữa bà S và ông K thì chị Đ đồng ý với ý kiến và yêu cầu của bà Lê Thị S; nếu phải trả lại đất cho cha mẹ thì chị cũng đồng ý và không có yêu cầu gì khác, kể cả việc đòi bồi thường giá trị tài sản mà chị đã đầu tư trồng cây trái đang thu hoạch trên thửa đất này.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp ngày 17/12/2020 và thu thập thông tin từ cơ quan chức năng, kết quả cho thấy:

- Thửa đất số 17, tờ bản đồ 91 thuộc bản đồ chính quy, không thuộc diện quy hoạch giải tỏa, thửa đất này theo bản đồ đo đạc năm 1992-1994 là một phần

của thửa đất số 475, tờ bản đồ số 05 (cũ) đã được cấp Giấy chứng nhận do ông Võ Văn K1 (K) đứng tên chủ sử dụng. Thửa đất này có dạng hình tam giác, cạnh hướng Đông Bắc giáp đất ông Đặng Văn Q có số đo 24,89m + 21,8m, cạnh hướng Tây Bắc giáp đất ông Đặng Văn Q có số đo 8,3m + 7,27m và cạnh hướng Tây Nam giáp Quốc lộ Nam Sông Hậu có số đo 48,37m; diện tích của thửa đất là 362,9 m², trong đó có 283,7 m² nằm trong hành lang lộ giới. Kết quả định giá theo Biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện K xác định: Giá đất (loại đất cây lâu năm) có giá 180.000 đ/m² x 362,9 m² = 65.322.000 đồng và giá cây trồng trên đất là 4.946.000 đồng, tổng cộng là 70.268.000 đồng.

- Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 96 (chính quy), thửa đất này theo bản đồ đo đạc năm 1992-1994 là một phần của thửa đất số 616, tờ bản đồ số 05 (cũ) đã được cấp Giấy chứng nhận do ông Võ Văn K1 (K) đứng tên chủ sử dụng. Số đo thực tế tứ cạnh như sau: Hướng Đông giáp đất bà Lê Thị S đang sử dụng có số đo 36,51m, hướng Tây giáp đất bà Võ Thị T có số đo 36,11m, hướng Nam giáp đất ông Võ Văn K có số đo 34,43m và hướng Bắc giáp đất ông Tô Thành P có số đo 37,07m; diện tích theo đo đạc thực tế là 1.296,3 m², hiện trạng là đất trồng cây lâu năm.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các [Điều 33, 43, 59 và 62 của Luật Hôn nhân và gia đình](#), chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ 91, diện tích 362,9 m², tọa lạc tại ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi là thửa đất số 17), thửa đất này đã được ông Võ Văn K và bà Lê Thị S đều thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng tạo lập nhưng khi ly hôn chưa được phân chia, do đó việc bà S yêu cầu phân chia theo quy định của pháp luật là có cơ sở, bởi vì tài sản chung của vợ chồng là hợp nhất, khi ly hôn nếu không thỏa thuận được mà có yêu cầu thì sẽ được phân chia theo tỷ lệ công sức đóng góp, nếu không chứng minh được tỷ lệ công sức đóng góp thì được chia đều nhau; việc ông K không đồng ý phân chia nhưng không có căn cứ chứng minh là tài sản riêng hoặc do một mình ông tạo lập, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà Lê Thị S. Tuy nhiên, do thửa đất số 17 có diện tích rất nhỏ và còn có một phần nằm trong hành lang lộ giới nên không thể chia đôi bằng hiện vật cho mỗi người, do đó cần phân chia theo hướng người nào nhận hiện vật thì phải thanh toán 50% giá trị cho người kia. Bà S khởi kiện yêu cầu được nhận hiện vật và hoàn 50% giá trị cho ông K; ông K thì không đồng ý việc phân chia đồng nghĩa với việc ông K cũng đang có nhu cầu sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại ông K đang là người đứng tên quyền sử dụng tài sản này nên cần giao cho ông K được tiếp tục quyền sử dụng (được nhận hiện vật) và buộc ông K thanh toán 50% giá trị cho bà S, bằng số tiền 35.134.000 đồng (theo kết quả định giá) là phù hợp.

[2] Xét nội dung khởi kiện về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng cho nguyên đơn bà Lê Thị S đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ 96, diện tích đo đạc thực tế là 1.296,3 m² tọa lạc tại ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi là thửa đất số 50); theo ghi nhận ý kiến của bà S và ông Võ Văn K thì thửa đất này trước đây đã có thỏa thuận phân chia cho bà S, và hiện nay ông K vẫn đồng ý phân chia cho bà S, nên đây được coi là tình tiết không phải chứng minh của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với tài sản trên đất là cây trồng đang cho hoa lợi được xác định là do chị Võ Thị Hồng Đ trực tiếp đầu tư công sức nhưng chị không có yêu cầu đòi bồi thường gì về giá trị tài sản; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hỏi và giải thích nhưng chị Đ vẫn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: **Mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia, được hưởng trong khối tài sản chung** theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đối với người phải chịu án phí thuộc trường hợp là người cao tuổi sẽ được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[5] Về chi phí tố tụng: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 157 và 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.084.000 đồng, bà Lê Thị S và ông Võ Văn K mỗi người chịu 50%; do bà S đã nộp tạm ứng trước đủ số tiền trên để chi phí xong, nên buộc ông K phải hoàn trả lại cho bà S số tiền 5.042.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 33, 43, 59 và 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các Điều 213, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 170 và Điều 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng, và được giải quyết như sau:

1.1. Ông Võ Văn K được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 91, diện tích đo đạc thực tế là 362,9 m² (trong đó có diện tích 283,7 m² nằm trong hành lang lộ giới) tọa lạc tại ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, thửa đất này có dạng hình tam giác với số đo các cạnh:

- Hướng Đông Bắc giáp đất ông Đặng Văn Q, số đo 24,89m + 21,8m;
- Hướng Tây Bắc giáp đất ông Đặng Văn Q, số đo 8,3m + 7,27m;
- Hướng Tây Nam giáp Quốc lộ Nam Sông Hậu, số đo 48,37m.

(Có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Võ Văn K phải thanh toán 50% giá trị tài sản tại thửa đất này cho bà Lê Thị S, bằng số tiền là 35.134.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Công nhận thửa đất số 50, tờ bản đồ số 96, diện tích đo đạc thực tế là 1.296,3 m² tọa lạc tại ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị S, có tứ cạnh:

- Hướng Đông giáp đất bà Lê Thị S đang sử dụng, số đo 36,51m;
- Hướng Tây giáp đất bà Võ Thị T, số đo 36,11m;
- Hướng Nam giáp đất ông Võ Văn K, số đo 34,43m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Tô Thành P, số đo 37,07m.

(Có sơ đồ kèm theo).

Bà Lê Thị S được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách bộ sang tên từ ông Võ Văn K và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về Đất đai đối với thửa đất này. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị Hồng Đ không yêu cầu bà Lê Thị S hoàn trả giá trị tài sản (cây trồng và hoa lợi) mà chị Đ đã đầu tư trên đất.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị S và ông Võ Văn K thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.084.000 đồng, bà Lê Thị S và ông Võ Văn K mỗi người chịu 50%; do bà S đã nộp tạm ứng trước đủ số tiền trên để chi phí xong, nên buộc ông K phải hoàn trả lại cho bà S số tiền 5.042.000 đồng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Kế Sách;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu